

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2023-2024
(Bảng số liệu chi tiết đính kèm)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	917	206	176	189	168	178
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	917	206	176	189	168	178
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	917	206	176	189	168	178
III.1	Năng lực chung						
	a. Tự chủ và tự học						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	739	189	167	180	161	
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	697	17	9	9	7	
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	
	b. Giao tiếp và hợp tác						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	709	193	169	181	166	
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	30	13	7	8	2	
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	
	c. Giải quyết vấn đề và sáng tạo						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	697	192	165	178	162	
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	42	14	11	11	6	
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	
	d. Tự phục vụ, tự quản						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	178					178
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0					0
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0					0
	e. Hợp tác						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	175					175
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	3					3
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0					0
	g. Tự học và giải quyết vấn đề						

1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)						173
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)						5
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						0
III.2 Phẩm chất							
a. Yêu nước							
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	727	202	172	188	165	
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	12	4	4	1	3	
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	
b. Nhân ái							
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	727	199	173	187	168	
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	12	7	3	2	0	
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	
c. Chăm chỉ							
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	707	196	172	175	164	
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	32	10	4	14	4	
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	
d. Trung thực							
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	726	200	172	187	167	
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	13	6	4	2	1	
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	
e. Trách nhiệm							
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	716	190	173	185	168	
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	23	16	3	4	0	
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
g. Chăm học, chăm làm							
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	167					167
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	11					11
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0					0
h. Tự tin, trách nhiệm							
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	178					178
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0					0
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0					0
i. Trung thực, kỷ luật							
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	178					178

2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0					0
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0					0
	k. Đoàn kết, yêu thương						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	178					178
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0					0
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0					0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập (theo TT27)						
1	Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	502	154	128	121	99	
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	96	23	9	35	29	
3	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	136	26	38	33	39	
4	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	5	3	1	0	1	
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	915	205	175	189	167	178
	<i>Trong đó:</i>						
a	<i>HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)</i>	754	171 83%	128 72.7%	153 81%	128 76.2%	174 97.8%
b	<i>HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)</i>	21	1	0	2	2	16
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	3	1	1	0	1	0

Quận 12, ngày 30 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Hiền

